

Bản án số: 795/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đẹp

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Ngọc Duyên- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ánh H**, sinh năm 1989; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Ấp E, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Văn Ngọc T**, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Ấp E, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án nguyên đơn là bà **Trần Thị Ánh H** trình bày:

Bà và ông **Lê Văn Ngọc T** sống chung với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, giấy chứng nhận kết hôn số 04/2017. Từ ngày chung sống với nhau ông bà ở tại nhà cha mẹ đẻ của bà H tại số B ấp E, xã Đ, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh từ đó cho tới nay. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến cuối

năm 2017 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà H và ông T không có con chung, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bà H và ông T cùng gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần đều không thành. Cuộc sống chung ngột ngạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H và ông T đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Năm 2018 bà H đã nộp đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, sau đó bà đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án số 1135/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018 để vợ chồng cho nhau cơ hội đoàn tụ nhưng cuộc sống hôn nhân của ông bà đã không thể cứu vãn, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Do đó bà H đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông T. Về con chung: Bà H các nhận bà và ông T không có con chung. Về nợ chung và tài sản chung: Bà H xác nhận ông bà không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà Trần Thị Ánh H tự nguyện nộp. Ngoài ra bà Trần Thị Ánh H không có yêu cầu gì khác.*Đối với bị đơn ông Lê Văn Ngọc T:* Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1

Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Văn Ngọc T đã được tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Trần Thị Ánh H về việc xin ly hôn với ông Lê Văn Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2017 ngày 05/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Văn Ngọc T là hợp pháp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn Ngọc T vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không giao nộp tài liệu chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu. Điều đó cho thấy ông T không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng và xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải trên cơ sở nam nữ tự nguyện thương yêu, xây dựng, vun đắp hạnh phúc gia đình, nếu không thì việc duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Theo nguyên đơn trình bày thì thời gian đầu mới chung sống ông bà hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà H và ông T không có con chung, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà H đã nộp đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, sau đó bà đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ để vợ chồng cho nhau cơ hội đoàn tụ nhưng cuộc sống hôn nhân của ông bà đã không thể cứu vãn, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình thì *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy, hôn nhân của bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Văn Ngọc T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ánh H đối với ông Lê Văn Ngọc T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của bà H là bà H và ông T không có con chung và kết quả xác minh tại công văn số 1067/UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xác định: "...không có tài liệu chứng cứ nào về con ông Lê Văn Ngọc T và bà Trần Thị Ánh H". Ông T không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà H và không xem xét thêm.

[3.3]. Về tài sản và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến gì về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà H và không xem xét thêm.

[3.4]. Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà H nộp.

Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng và phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh H được ly hôn với ông Lê Văn Ngọc T.

2. Về con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị Ánh H về việc không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị Ánh H về việc không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Trần Thị Ánh H phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Ánh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015896 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Trần Thị Ánh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Văn Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA